

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1265 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hết*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- UBND TP (1B);
- VP UBND TP (2B,3BG);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.PM *du*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã.	Chăn nuôi và Thú y	UBND cấp huyện
2.	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	UBND cấp tỉnh
3.	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.	Chăn nuôi và Thú y	UBND cấp huyện
4.	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.	Chăn nuôi và Thú y	UBND cấp huyện
5.	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp.	Chăn nuôi và Thú y	UBND cấp tỉnh
6.	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	UBND cấp huyện
7.	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.	Thủy sản	UBND cấp tỉnh
8.	Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao.	Nông thôn mới	UBND cấp huyện
9.	Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp	Nông thôn mới	UBND cấp tỉnh

	Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 4 sao.		
10.	Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia.	Nông thôn mới	UBND cấp tỉnh
11.	Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12.	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13.	Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14.	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên chẩn đoán bệnh động vật hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
17.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III.		
19.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20.	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
21.	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22.	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III.	Tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã

- a) Trình tự thực hiện: Không quy định
- b) Cách thức thực hiện:
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân quận huyện
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận huyện
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định
- h) Phí, lệ phí: Không quy định
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điểm đ khoản 5 Điều 27 Luật Thú y.

2. Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa

- a) Trình tự thực hiện: Không quy định
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định
- h) Phí, lệ phí: Không quy định
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 4 Điều 71 Luật Trồng trọt

3. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

- a) Trình tự thực hiện: Không quy định

- b) Cách thức thực hiện: Không quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc công bố dịch bệnh động vật.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định
- h) Phí, lệ phí: Không quy định
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
 - Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;
 - Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - Luật Thú y;
 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;
 - Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

4. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

- a) Trình tự thực hiện: Không quy định
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định
- h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật mắc cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mắc cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thú y;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

5. Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các huyện, cấp xã

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thú y;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

6. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh; đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn huyện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Trồng trọt;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

7. Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

- Hằng năm, Chi cục Thú y chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản theo các bước sau:

+ Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả và chỉ rõ những nguyên nhân vướng mắc, tồn tại, bất cập trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch của năm đang thực hiện; đề xuất nội dung cần Điều chỉnh, bổ sung cho Kế hoạch năm sau.

+ Đánh giá cụ thể về vai trò, tầm quan trọng, hiện trạng và xu hướng phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương; tổng hợp, phân tích số liệu diện tích nuôi các động vật thủy sản chủ lực tại địa phương.

+ Tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường;

các nguồn nước chính cung cấp cho vùng nuôi; thực trạng xả thải tại các vùng nuôi; kết quả giám sát dịch bệnh động vật thủy sản, tình hình dịch bệnh (mô tả chi tiết theo không gian, thời gian và động vật thủy sản mắc bệnh); các yếu tố nguy cơ liên quan đến quá trình phát sinh, lây lan dịch bệnh động vật thủy sản ở địa phương; các chỉ tiêu dịch tễ và chỉ tiêu liên quan cần xét nghiệm nhằm xác định mức độ nguy cơ phát sinh, dự báo khả năng phát sinh, lây lan dịch bệnh động vật thủy sản tại địa phương.

+ Xác định các nguồn lực cần thiết, bao gồm: Nhân lực, vật lực, tài chính để triển khai các biện pháp phòng, chống, hỗ trợ chủ cơ sở nuôi, giám sát môi trường, dịch bệnh, cả khi dịch bệnh xảy ra nhưng chưa đủ Điều kiện công bố dịch và khi công bố dịch.

+ Căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam và văn bản hướng dẫn về giám sát, Điều tra dịch bệnh, Điều kiện vệ sinh môi trường nuôi trồng thủy sản, số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, diện tích nuôi trồng thủy sản để đề xuất các chỉ tiêu, tần suất, vị trí thu mẫu, số lượng mẫu động vật thủy sản, môi trường.

- Báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường đề Sở trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 30/11 hằng năm.

- Gửi Kế hoạch đã được phê duyệt đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

8. Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao

a) Trình tự thực hiện:

- Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm/dịch vụ

+ UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ sản phẩm/dịch vụ từ các cá nhân/tổ chức

đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

+ UBND cấp huyện kiểm tra thể thức, nội dung, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

+ UBND cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng cấp huyện, Tổ tư vấn (hoặc Tổ giúp việc).

- Đánh giá

+ Đối tượng đánh giá: Mẫu sản phẩm (trừ sản phẩm dịch vụ du lịch) và hồ sơ sản phẩm. Đối với các sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Các thành viên kiểm tra thực tế và đánh giá trước tại thực địa.

+ Chuẩn bị số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan). Hồ sơ sản phẩm (bản điện tử) cần được chuyển cho các thành viên Hội đồng trước ngày họp đánh giá ít nhất 01 ngày làm việc.

+ Tiến hành đánh giá

(i) Các thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá. Chủ thể sản phẩm OCOP có thể tham gia trình bày, diễn giải trước Hội đồng.

(ii) Hội đồng thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần).

(iii) Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm được tham gia đánh cấp tỉnh, báo cáo kết quả tới UBND cấp huyện và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

- Phân hạng và chuyển hồ sơ đề nghị cấp tỉnh đánh giá, phân hạng

+ Căn cứ kết quả điểm số đánh giá của Hội đồng, các sản phẩm được xếp hạng theo khung từ 1 đến 5 sao.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho các chủ thể OCOP, đề nghị hoàn thiện/bổ sung hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao; tổ chức công bố kết quả.

+ UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm đạt từ 70 đến 100 điểm đề nghị cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho UBND cấp xã để tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.

b) Cách thức thực hiện: Trên cơ sở hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP và báo cáo của cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình (nếu có), Hội đồng cấp huyện tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phiếu đánh giá sản phẩm. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Hội đồng cấp huyện trình UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; cấp

Giấy chứng nhận đạt 3 sao và tổ chức công bố kết quả; có văn bản đề nghị Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng lại sản phẩm đủ điều kiện 4 sao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP (Hồ sơ sản phẩm): Do các chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất...) chuẩn bị, bao gồm:

+ Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1).

+ Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2).

* Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp huyện: Do các chủ thể OCOP chuẩn bị, bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (theo quy định tại khoản a, mục 1 và biểu mẫu số 3).

+ Hồ sơ sản phẩm.

+ Hồ sơ sản phẩm.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ thể OCOP, Ủy ban nhân dân cấp xã

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu biểu số 1, mẫu biểu số 2, biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

9. Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 4 sao

a) Trình tự thực hiện:

- Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm

+ UBND cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ đề xuất đánh giá, phân hạng sản phẩm từ cấp huyện.

+ UBND cấp tỉnh kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp tỉnh, Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh và kế hoạch đánh giá.

- Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành thẩm định, đánh giá hồ sơ

+ Các thành viên Tổ tư vấn thẩm định hồ sơ, đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá, đề xuất bổ sung hồ sơ, gửi mẫu phiếu kiểm nghiệm chất lượng (nếu cần thiết).

+ Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở về quy trình sản xuất, vệ sinh môi trường, điều kiện an toàn thực phẩm,... (nếu cần thiết).

+ Tổ tư vấn thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần).

+ Tổ tư vấn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xây dựng Báo cáo trình Hội đồng cấp tỉnh để tổ chức Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng, đề xuất gửi mẫu kiểm nghiệm chất lượng độc lập (nếu cần thiết).

- Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng

Các bước tổ chức đánh giá của Hội đồng:

+ Chủ thể sản phẩm OCOP trình bày, diễn giải trước Hội đồng (nếu cần thiết).

+ Đại diện Tổ tư vấn Hội đồng trình bày báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá hồ sơ sản phẩm của Tổ tư vấn.

+ Các thành viên Hội đồng thảo luận, trao đổi những vấn đề chưa rõ; thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần); tham khảo kết quả khảo sát, đánh giá phản hồi của người tiêu dùng về sản phẩm (nếu có).

+ Các thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá.

+ Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Trong trường hợp chênh lệch lớn hơn 10 điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận để thống nhất chấm điểm lại.

+ Hội đồng thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm có thể tham gia đánh giá cấp trung ương (từ 90 điểm trở lên), báo cáo kết quả tới UBND cấp tỉnh và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

- Phân hạng và chuyển hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp trung ương

+ Căn cứ kết quả điểm số đánh giá của Hội đồng, các sản phẩm được xếp hạng theo khung từ 1 đến 5 sao.

+ UBND cấp tỉnh thông báo kết quả cho các chủ thể OCOP, đề nghị hoàn

thiện/bổ sung hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 4 sao; tổ chức công bố kết quả.

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm có tiềm năng đạt 5 sao (từ 90 đến 100 điểm) đề nghị cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia.

+ Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh đạt dưới 70 điểm (không đạt 4 sao) hoặc hồ sơ không hợp lệ, Hội đồng cấp tỉnh gửi trả hồ sơ về UBND cấp huyện để xem xét, công nhận hoặc hoàn thiện hồ sơ đánh giá lại và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Căn cứ hồ sơ chủ thể, biên bản của Hội đồng cấp huyện, văn bản đề nghị của UBND cấp huyện và báo cáo của cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình (nếu có), Hội đồng cấp tỉnh tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phiếu đánh giá sản phẩm. Căn cứ kết quả đánh giá, Hội đồng cấp tỉnh trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; cấp Giấy chứng nhận đạt 4 sao và tổ chức công bố kết quả; có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá, phân hạng lại sản phẩm đủ điều kiện 5 sao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP (Hồ sơ sản phẩm): Do các chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất...) chuẩn bị, bao gồm:

+ Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1).

+ Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2).

* Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

+ Công văn gửi UBND cấp tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

+ Tài liệu họp Hội đồng cấp huyện: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp huyện; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.

+ Hồ sơ sản phẩm.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ thể OCOP, Ủy ban nhân dân cấp huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu biểu số 1, mẫu biểu số 2, biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

10. Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia theo các bước:

- Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm, dịch vụ du lịch:

+ Tiếp nhận hồ sơ đề xuất đánh giá, phân hạng sản phẩm từ cấp tỉnh.

+ Kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

+ Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ tư vấn và Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp trung ương và kế hoạch đánh giá.

- Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành thẩm định, đánh giá hồ sơ:

+ Các thành viên Tổ tư vấn thẩm định hồ sơ, đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá, tổ chức khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất (nếu cần thiết).

+ Tổ tư vấn thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần).

+ Tổ tư vấn tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên, xây dựng Báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng đánh giá, phân hạng cấp trung ương để tổ chức Hội đồng cấp trung ương đánh giá, phân hạng.

- Tổ chức Hội đồng cấp trung ương

Hội đồng cấp trung ương tổ chức đánh giá các sản phẩm theo quy trình sau:

+ Cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo chung kết quả đánh giá về sản phẩm của Tổ tư vấn.

+ Tổ tư vấn báo cáo bổ sung về kết quả thẩm định hồ sơ, kết quả kiểm tra thực tế cơ sở, kết quả kiểm nghiệm (nếu có) đối với từng hồ sơ sản phẩm OCOP.

+ Các thành viên Hội đồng thảo luận, trao đổi những vấn đề chưa rõ; thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần); tham khảo kết quả khảo sát, đánh giá phản hồi của người tiêu dùng về sản

phẩm (nếu có).

+ Các thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm, tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Trong trường hợp chênh lệch lớn hơn 10 điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận để thống nhất chấm điểm lại.

+ Hội đồng thống nhất, thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm đủ điều kiện đạt 5 sao (đạt từ 90 điểm trở lên), báo cáo và đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, công nhận sản phẩm OCOP 5 sao (cấp quốc gia).

- Xếp hạng và công bố kết quả đánh giá

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả cho UBND cấp tỉnh và các chủ thể OCOP.

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (sản phẩm OCOP cấp quốc gia); tổ chức công bố kết quả.

+ Trường hợp kết quả đánh giá đạt dưới 90 điểm (không đạt 5 sao) hoặc hồ sơ không hợp lệ, Hội đồng cấp trung ương gửi trả hồ sơ về UBND cấp tỉnh để xem xét, công nhận hoặc hoàn thiện hồ sơ đánh giá lại và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trên cơ sở hồ sơ chủ thể, biên bản của Hội đồng cấp tỉnh, văn bản đề nghị của UBND cấp tỉnh và báo cáo của cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình (nếu có), Hội đồng cấp trung ương tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phiếu đánh giá sản phẩm. Căn cứ kết quả đánh giá, Hội đồng cấp trung ương trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; cấp Giấy chứng nhận đạt 5 sao và tổ chức công bố kết quả.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP (Hồ sơ sản phẩm): Do các chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất...) chuẩn bị, bao gồm:

+ Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1).

+ Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2).

* Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp quốc gia: Do UBND cấp tỉnh chuẩn bị, bao gồm:

+ Công văn gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

+ Tài liệu họp Hội đồng cấp tỉnh, bao gồm: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt kết

quả chấm điểm.

+ Hồ sơ sản phẩm.

+ Các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ thể OCOP, Ủy ban nhân dân cấp huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu biểu số 1, mẫu biểu số 2, biểu mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

11. Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối

với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 4 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 4 ban hành theo Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; và tại khoản 1,2,3 Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 07/2022/TT- BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

12. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 9 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 9 ban hành theo Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; và tại khoản 12,13,14 Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể

thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ

quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT- BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

13. Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 8 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên chức danh giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 8 ban hành theo Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; và tại khoản 9,10,11 Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy

tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT- BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông

tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

14. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 13 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị

sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên chức danh kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 13 ban hành theo Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; và tại khoản 20,21,22 Điều 1 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 07/2022/TT- BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

15. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chức danh chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 5 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 4,5,6 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm

2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;
- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

16. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên chẩn đoán bệnh động vật hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1

Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 4 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh từ chức danh kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên chức danh chẩn đoán viên bệnh động vật hạng IV theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 4 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 1,2,3 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết

định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

17. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 8 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên chức danh kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 8 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 9,10,11 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

18. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 13 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số

115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên chức danh kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 13 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 20,21,22 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

19. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 12 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị

sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng III lên chức danh kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 12 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 17,18,19 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

20. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 17 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên chức danh kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 17 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 28,29,30 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
 - Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
 - Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
 - Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;
 - Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

21. Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 16 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015; Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có

văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng III lên chức danh kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 16 ban hành theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; và tại khoản 25,26,27 Điều 2 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT- BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;
- Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

22. Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III

a) Trình tự thực hiện:

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ thực hiện quy trình sau:

- Bước 1: Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

+ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp để xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Sở tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng.

+ Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Bước 2: Điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối

với viên chức dự xét thăng hạng; Điều 6 Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020; Điều 4 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

- Bước 3: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 05 hoặc 07 thành viên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 33 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Bước 4: Quyết định tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định mục IV Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020. Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023).

+ Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng.

+ Hình thức: Thẩm định hồ sơ

- Bước 5: Công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng) và thông báo kết quả xét thăng hạng

+ Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại bước 2 thủ tục này, được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

+ Trường hợp đơn vị đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

(2) Viên chức là nữ;

(3) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

(4) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

(5) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

+ Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng theo khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

- Bước 6: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần số lượng:

Theo Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên theo quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 6 ban hành theo Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; và tại khoản 3,4 Điều 4 quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng; quyết định công nhận sáng kiến, quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày tổ chức kiểm tra, sát hạch ít nhất 5 ngày làm việc, Hội đồng gửi thông báo triệu tập viên chức dự kiểm tra sát hạch, trong đó thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch; nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch và các nội dung khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Trước ngày tổ chức kiểm tra sát hạch ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách viên chức dự kiểm tra, sát hạch theo số báo danh; sơ đồ vị trí các phòng để thực hiện việc kiểm tra, sát hạch; nội quy tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại địa điểm tổ chức kiểm tra, sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan đơn vị được phân cấp, ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng: Mẫu HS02-VC/BNV ban hành tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

- Thông tư số 07/2022/TT- BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.